

Đơn xin cấp giấy chứng nhận (không chịu thuế) về thuế thị dân, thuế tỉnh dân và thuế bảo vệ môi trường rừng

第25号様式

市民税・県民税・森林環境税課税（非課税）証明申請書

(請求先) 横浜市

区長

令和 年 月 日

■窓口に来た人(申請人)はどなたですか

住所①	フリガナ	生年月日④
氏名②	明治・大正・昭和・平成・令和・西暦 年 月 日生	
電話番号③		
証明される人(納税義務者)との関係 ☐ 本人 ☐ 同居の親族(配偶者、子) ☐ 委任者等 ☐ その他()		

※委任者等の場合は委任状等が必要です。

■どなたの証明が必要ですか ※上記の住所・氏名と同じ場合(同上) に○をつけてください。

1月1日の住所①	同上 横浜市 区		
フリガナ		必要なものに○をつけてください⑤	部数⑥備考
氏名②	同上	1. 令和6年度(令和5年中)の所得の証明 2. 令和5年度(令和4年中)の所得の証明 3. 年度(前年中)の所得の証明	部備考
生年月日③	明治・大正・昭和・平成・令和・西暦 年 月 日生	必要なものに○をつけてください	部数備考
フリガナ			
氏名		1. 令和6年度(令和5年中)の所得の証明 2. 令和5年度(令和4年中)の所得の証明 3. 年度(前年中)の所得の証明	部備考
生年月日	明治・大正・昭和・平成・令和・西暦 年 月 日生	必要なものに○をつけてください	部数備考
フリガナ			
氏名		1. 令和6年度(令和5年中)の所得の証明 2. 令和5年度(令和4年中)の所得の証明 3. 年度(前年中)の所得の証明	部備考
生年月日	明治・大正・昭和・平成・令和・西暦 年 月 日生		
合計⑦		部	
所得金額・所得控除額・扶養控除等の内訳の表示を希望しない場合は、 ✓をつけてください。 平成30年度以降で市民税所得割額の旧税率(6%など)の表示を希望しない 場合は、✓をつけてください。		☐ 希望しません ☐ 希望しません	
〔ご不明な点があれば、職員におたずねください〕			

※令和5年度までは個人市民税・県民税・森林環境税を個人市民税・県民税に読み替えてください。

■証明を必要とする理由に○をつけてください。

1. 融資申請	2. 社会保険(年金・健康保険等)の申請	3. 扶養申請	4. 児童手当
5. 就学援助(私立幼稚園・公立小中学校)	6. 高校就学支援金	7. 私学助成	
8. 奨学生出願(日本学生支援機構(貸与申込み・返還猶予))	9. 保証人		
10. 福祉保健センター等へ提出(保育園・児童扶養手当・難病の医療費助成)			
11. 住宅入居(市営・県営・りふいん)			
12. 新型コロナウイルス感染症に係る特別貸付の償還免除申請			
13. 電力・ガス・食料品等価格高騰緊急支援給付金	14. 子育て世帯生活支援特別給付金		
15. その他()			

※以下の欄は、区役所で使用しますので、窓口に来た人(申請人)の記入は不要です。

本人等確認	確認方法	① 個人番号カード ☐ 運転免許証 ☐ パスポート ☐ 在留カード等(外資証) ② 居住カード(写真無し) ☐ 健康保険証 ☐ 年金手帳 ☐ 介護保険証 ③ 学生証 ☐ 法人発行身分証明書 ☐ その他() ④ 顔写真 ☐ その他()			
	修正入力	☐ 携帯用補完 ☐ 所得・控除補完 ☐ 手書き発行			
	整理番号	受付	作成	確認	交付

再生紙使用

Ai là người đã đến quầy giao dịch (người nộp đơn)?

- ① Địa chỉ
② Tên
③ Số điện thoại
④ Ngày sinh
⑤ Mối quan hệ với người được chứng nhận (người nộp thuế)
☐ Bản thân ☐ Người thân gia đình ở chung (vợ/chồng/con cái) ☐ Đại diện được ủy quyền, v.v. ☐ Khác
* Bắt buộc phải có giấy ủy quyền hoặc giấy tờ tương tự cho đại diện được ủy quyền, v.v.

Cần có chứng chỉ của ai? * Nếu địa chỉ và tên giống như trên, vui lòng khoanh tròn mục "Giống như trên."

- ①Địa chỉ tính đến ngày 1 tháng 1
②Tên
③Ngày sinh
- ④Vui lòng khoanh tròn các mục cần thiết.
1. 2024 (bằng chứng thu nhập cho năm 2023)
2. 2023 (bằng chứng thu nhập cho năm 2022)
3. Năm (bằng chứng thu nhập cho năm trước)
- ⑤Số lượng bản sao
⑥Ghi chú
⑦Tổng

- ① Vui lòng đánh dấu ở đây nếu bạn không muốn ghi rõ chi tiết về thu nhập, khấu trừ thu nhập, khấu trừ người phụ thuộc, v.v.
- ② Vui lòng đánh dấu ở đây nếu bạn không muốn ghi rõ thuế suất cũ (6%, v.v.) cho số tiền thuế thị dân theo thu nhập sau Năm tài khóa 2018.

Vui lòng khoanh tròn lý do cần giấy chứng nhận.

1. Đơn xin vay 2. Đơn đăng ký bảo hiểm xã hội (lương hưu, bảo hiểm y tế, v.v.) 3. Đơn xin cho người phụ thuộc 4. Trợ cấp trẻ em 5. Trợ cấp chi phí trường học (trường mẫu giáo tư thục/trường tiểu học hoặc trung học cơ sở công lập/) 6. Trợ cấp ghi danh trung học phổ thông 7. Trợ cấp trường tư thục 8. Đơn xin học bổng (Tổ chức Dịch vụ Sinh viên Nhật Bản [đơn xin vay/chậm trả nợ]/) 9. Người bảo lãnh 10. Nộp hồ sơ cho các trung tâm phúc lợi và y tế, v.v. (trợ cấp nhà trẻ/nuôi con/trợ cấp chi phí y tế cho các bệnh nan y/) 11. Đăng ký nhà ở (nhà ở công cộng/nhà ở thuộc tỉnh/nơi ở tập thể/) 12. Đơn xin miễn trừ trả nợ các khoản vay đặc biệt liên quan đến đại dịch COVID-19 13. Phúc lợi hỗ trợ khẩn cấp do tăng giá điện, gas, thực phẩm, v.v. 14. Phúc lợi đặc biệt nhằm hỗ trợ các hộ gia đình có trẻ em 15. Khác ()